

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2023

*“Về việc ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình, bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc tham
gia phiên tòa: Ông Đào Quang Soạn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên,
tỉnh Vinh Phúc xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 263/2022/TLST-
HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02
năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1974, (có mặt);

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Ông Hưng, bà H đều đăng ký thường trú tại: Khu hành chính x, phường Liên
Bảo, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2022 và các lời khai tiếp theo,
nguyên đơn ông Nguyễn Việt H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn ngày 11
tháng 9 năm 1999 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương,
tỉnh Thái Nguyên. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống ở tỉnh Thái Nguyên được
khoảng 10 năm rồi chuyển về quê ông Hưng ở xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh
Vinh Phúc. Thời gian đầu chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Đến tháng 6
năm 2018, vợ chồng ông chuyển về sống tại nhà riêng ở địa chỉ số 6, ngách 2, Đồng

Tum, tổ dân phố Chùa Láp (Khu hành chính x), phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Từ sau đó, hai vợ chồng thường có những quan điểm bất đồng dẫn đến mâu thuẫn và hay cãi vã, mối quan hệ hai bên trở lên căng thẳng. Từ khoảng một năm nay, ông buộc phải sống ly thân bà H để đỡ áp lực về tư tưởng cũng như không làm cho quan hệ vợ chồng trở lên tiêu cực. Thời gian ly thân, ông phải sống tại đơn vị công tác, có khi phải thuê nhà trọ để ở. thỉnh thoảng ông có về nhà thăm hỏi các con nhưng không có biện pháp gì hữu hiệu để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Gia đình ông cũng như người thân khác biết chuyện nhưng không thể hàn gắn giúp. Vì thế, nhiều lần ông đã đề nghị với bà H giải quyết ly hôn trong êm thấm nhưng bà H một mực yêu cầu phải tặng cho các con tài sản xong mới đồng ý. Vì thế mà ông tự nhận thấy vợ chồng thực sự không còn tình cảm để có thể chung sống nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà H.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có hai con là Nguyễn Thị T sinh năm 2000 và Nguyễn Việt T sinh ngày 08/5/2009 hiện nay đang sống cùng bà H. Cháu T đã là người thành niên tự lao động kiếm sống được nên ở với ai là quyền của cháu. Cháu T1 còn đang là học sinh, sống lệ thuộc vào bố mẹ, ông biết cháu Tiến có nguyện vọng ở với mẹ nên ông cũng đồng ý. Tuy ông không sống cùng các con nhưng trách nhiệm của người làm bố, ông tự thực hiện cấp dưỡng cho con mà không cần yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và các vấn đề khác: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông xác định, sau khi ly hôn ông muốn thỏa thuận với bà H sẽ cho các con tài sản nhưng phải có người quản lý, giám sát vì các cháu còn nhỏ. Hiện tại, con trai ông vẫn chưa thành niên và hai vợ chồng không đồng thuận nên bà H và các con tiếp tục sống tại nhà đang ở, gia đình tự chia sau.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị H vắng mặt nH quá trình giải quyết vụ án, bà đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân như ông H trình bày là đúng. Bà cho rằng nguyên nhân ông H ly hôn là do ngoại tình, về phía bà không có mâu thuẫn gì. Mặc dù vậy, vợ chồng bà đã phải sống ly thân được một năm, cắt đứt quan hệ và không còn quan tâm đến nhau. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông H ra Văn phòng công chứng tặng cho các con tài sản, bà nhờ Tòa án phân tích cho ông H hiểu về vấn đề này. Về con chung, ông bà có 02 người con, trong đó con lớn là Nguyễn Thị T đã trên mười tám tuổi nếu ly hôn bà không có đề nghị gì, còn con thứ hai là Nguyễn Việt T sinh ngày 08/5/2009 chưa thành niên đang ở cùng bà nên bà xin được nuôi dưỡng mà không cần ông H đóng góp cấp dưỡng. Về tài sản, như quan điểm đã nêu bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì muốn công chứng tặng cho con chung. Nếu ông H không đồng ý thì bà không ly hôn để ông H tự giải quyết, sbà xin vắng mặt theo quy định.

Tại biên bản đề ngày 10/01/2023, Tòa án ghi ý kiến của cháu Nguyễn Việt T sinh ngày 08/5/2009 thể hiện: Cháu Tiến được biết ông Hưng, bà H đang làm thủ tục ly hôn nên bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bà H.

Tại Biên bản xác minh đề ngày 09/01/2023, chính quyền địa phương cho biết: Ông H, bà H sinh sống tại địa phương và có quan hệ hôn nhân, con chung hợp pháp. Hiện tại, hai ông bà đã ly thân nhau còn vì nguyên nhân gì dẫn đến ly hôn thì địa phương không biết. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về điều kiện nuôi con, ông H làm nghề dạy lái xe còn bà H kinh doanh hoa quả, cả hai ông bà đều có thu nhập và nhà ở ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật về tố tụng nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, 71, Điều 72, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông H được ly hôn bà Nguyễn Thị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt T1, sinh ngày 08/5/2009 cho bà H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, có thể lao động tự túc được; ông H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Việt H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giao người nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Trong vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đủ lời khai và xin vắng mặt, Tòa án cũng đã tổng đạt Triệu tập hợp lệ cho bà H nên có đủ cơ sở giải quyết vắng mặt theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Việt H và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa ông Hưng, bà H xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân trong thời gian dài bởi nhiều nguyên nhân; thời gian ly thân hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn giúp vợ chồng đoàn tụ. Ông Hưng không về nhà sống cùng gia đình, để quan tâm chăm sóc vợ con. Còn

bà H một mình nuôi con, cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn. Bản thân bà H cũng xác định vợ chồng sẽ giải quyết ly hôn nếu ông Hưng đồng ý tặng cho các con tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Hưng, bà H ly thân đã lâu, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có biện pháp gì để đoàn tụ. Trong khi đó, về nguyên tắc vợ chồng chung sống phải dựa trên cơ sở tự nguyện đôi bên, tình cảm phải gắn bó, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không thể định đoạt quan hệ hôn nhân bằng lý do phải chia được tài sản một cách rõ ràng. Từ các phân tích trên, thấy rằng mâu thuẫn giữa ông H, bà H đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đơn xin ly hôn của ông H là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 là người đã thành niên, tự túc được, các đương sự không có yêu cầu gì nên sau khi ly hôn ở với ai là quyền của cháu. Còn cháu Nguyễn Việt T sinh ngày 08/5/2009 có nguyện vọng muốn ở với bà H. Xét điều kiện thực tế, bà H có nơi ở ổn định, đang trong độ tuổi lao động có thu nhập đảm bảo cho cuộc sống bình thường. Vì thế, giao cháu T1 cho bà H nuôi là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Không ai đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên là căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, 71, Điều 72, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt H. Cho ông Nguyễn Việt H được ly hôn bà Nguyễn Thị H. Quan hệ hôn nhân giữa ông Hưng, bà H chấm dứt khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Việt T2, sinh ngày 08/5/2009 đến khi thành

niên, có khả năng lao động tự túc. Ông H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Việt H phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004865 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận ông Hưng đã nộp đủ án phí.

Ông Hưng có quyền kháng cáo Bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- UBND xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; (Số 22 ngày 11/9/1999)
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Việt Quang